

Số: 108/BC-UBND

Kiên Lao, ngày 26 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;
Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.**
(trình Kỳ họp thứ 9 HĐND xã)

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Lục Ngạn "V/v giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước huyện Lục Ngạn năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Kiên Lao về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước xã Kiên Lao năm 2023;

UBND xã báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

Tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

A. Đặc điểm tình hình

Năm 2023 nằm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới giai đoạn 2022-2025. Tình hình hoạt động kinh doanh, sản xuất của các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh trên địa bàn xã đã có sự phục hồi và phát triển, tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn; thị trường giao dịch bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi làm ảnh hưởng đến nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã; nguồn thu chủ yếu dựa vào trợ cấp của ngân sách cấp trên; song dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND, sự điều hành kịp thời và hiệu quả của UBND xã, năm 2023 công tác điều hành ngân sách đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

B. Kết quả thu, chi ngân sách năm 2023

I. Ước thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách năm 2023 ước đạt: 6.775.364.983 đồng, đạt 125,48% so với dự toán giao đầu năm, cụ thể:

1. Thu ngân sách tại địa bàn trong dự toán giao đầu năm

Dự toán thu ngân sách tại địa bàn đầu năm giao 298.000.000 đồng; ước thu: 342.810.466 đồng, đạt 115,04% (thu điều tiết ngân sách xã: 213.246.922 đồng, đạt 144,09%). Chi tiết các khoản thu như sau:

1.1. Thu thuế GTGT+ TNDN: 21.926.667 đồng, đạt 109,63%

1.2. Thu thuế thu nhập cá nhân: 168.762.477 đồng, đạt 163,39%

- 1.3. Thu lệ phí trước bạ: 39.017.944 đồng, đạt 130,06%
 1.4. Lệ phí môn bài: 8.300.000 đồng, đạt 166%
 1.5. Thu phí, lệ phí: 16.570.000 đồng, đạt 110,47%
 1.6. Thu tiền sử dụng đất : 27.950.000 đồng, đạt 8%
 1.7. Thu khác tại xã : 8.000.000 đồng, đạt 32%
 1.8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2.283.378 đồng, đạt 76,11%
 1.9. Thu khác từ đất : 50.000.000 đồng.

2. Các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.776.661.000 đồng

2.1. Trợ cấp cân đối ngân sách: 4.756.313.000 đồng

2.2. Bổ sung có mục tiêu: 1.020.348.000 đồng

3. Thu chuyển nguồn ngân sách: 655.893.517 đồng.

ST T	Nội dung thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Dự toán đầu năm giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ (%)	Dự toán đầu năm giao	Ước thực hiện	Tỷ lệ (%)
			Thu NSNN			Thu NSX		
Tổng số thu ngân sách			5.399.661.000	6.775.364.983	125,48	5.249.661.000	6.645.801.439	126,59
I	Các khoản thu trên địa bàn xã		298.000.000	342.810.466	115,04	148.000.000	213.246.922	144,09
1	Thu thuế GTGT+TNDN	100	20.000.000	21.926.667	109,63	20.000.000	21.926.667	109,63
2	Thu thuế thu nhập cá nhân	55	100.000.000	168.762.477	168,76	55.000.000	89.862.905	163,39
3	Thu lệ phí trước bạ	50	30.000.000	39.017.944	130,06	15.000.000	19.508.972	130,06
4	Lệ phí môn bài	100	5.000.000	8.300.000	166	5.000.000	8.300.000	166,00
5	Thu phí, lệ phí	100	15.000.000	16.570.000	110,47	15.000.000	16.570.000	110,47
6	Thu tiền sử dụng đất	10	100.000.000	27.950.000	27,95	10.000.000	2.795.000	27,95
7	Thu khác tại xã	100	25.000.000	8.000.000	32	25.000.000	2.000.000	8,00
8	Thuế sử dụng đất PNN	100	3.000.000	2.283.378	76,11	3.000.000	2.283.378	76,11
9	Thu khác từ đất	100		50.000.000			50.000.000	
II	Trợ cấp bổ sung từ ngân sách cấp trên	100	5.005.415.000	7.267.293.083	145,19	5.005.415.000	7.267.293.083	145,19
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	100	4.756.313.000	4.756.313.000	100	4.756.313.000	4.756.313.000	100
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	100	345.348.000	1.020.348.000	295,46	345.348.000	1.020.348.000	295,46
III	Thu chuyển nguồn năm 2021			655.893.517			655.893.517	

II- Ước Chi ngân sách năm 2023:

Dự toán giao năm 2023 là **5.249.661.000 đồng**; Ước chi ngân sách xã năm 2023 là: **6.153.945.868 đồng** đạt 117,23% so với dự toán giao; gồm các lĩnh vực chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: 0 đồng

2. Chi thường xuyên:

- Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự: 502.872.630 đồng, đạt 101,84% dự toán
- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 305.359.000 đồng, đạt 258,42% dự toán.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 17.924.000 đồng, đạt 100% dự toán
- Chi hoạt động trạm đài xã: 41.000.000 đồng, đạt 61,56% dự toán
- Chi sự nghiệp kinh tế: 456.576.000 đồng, đạt 316,63% dự toán
- Chi Sự nghiệp môi trường: 18.290.000 đồng, đạt 100% dự toán
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 54.280.000 đồng, đạt 60,56% dự toán.
- Chi quản lý nhà nước: 2.991.482.540 đồng, đạt 119,25% dự toán.
- Chi ngân sách Đảng: 692.264.838 đồng, đạt 109,01% dự toán.
- Chi Mặt trận tổ quốc: 284.647.291 đồng, đạt 114,5% dự toán.
- Chi Đoàn thanh niên: 164.322.180 đồng, đạt 97,46% dự toán.
- Chi Hội phụ nữ: 168.762.216 đồng, đạt 110,95% dự toán.
- Chi Hội nông dân: 178.709.380 đồng, đạt 106% dự toán.
- Chi Hội cựu chiến binh: 174.180.193 đồng, đạt 92,6% dự toán.
- Chi Hội chữ thập đỏ: 8.500.000 đồng, đạt 100% dự toán.
- Chi Hội người cao tuổi: 72.457.600 đồng, đạt 99,94% dự toán
- Chi khác ngân sách: 22.318.000 đồng, đạt 100% dự toán.

STT	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2023	Bổ sung, điều chỉnh trong năm	Ước thực hiện	Tỷ lệ %
	Tổng số chi ngân sách	5.249.661.000	1.096.961.487	6.153.945.868	117,23
I	Chi đầu tư XD CB	10.000.000		0	0,00
II	Chi thường xuyên	5.121.578.000	1.096.961.487	6.153.945.868	120,16
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	493.802.000	10.221.402	502.872.630	101,84
a	Chi quân sự	328.648.000	10.221.402	337.718.630	102,76
	Hoạt động	37.250.000	2.736.000	39.986.000	
	Phụ cấp	85.500.000	7.485.402	80.848.630	
	Huấn luyện (76 dân quân)	205.898.000		216.884.000	
b	Chi an ninh trật tự	165.154.000	0	165.154.000	100,00

	<i>Hoạt động</i>	28.654.000		28.654.000	
	<i>Phụ cấp (đội trưởng, đội phó dân phòng)</i>	136.500.000		136.500.000	
2	Chi sự nghiệp Văn hoá (2 = 2.1 + 2.2+2.3)	118.163.000	187.196.000	305.359.000	258,42
2.1	Hoạt động văn hóa	48.163.000	187.196.000	235.359.000	
2.2	Chi hoạt động cụm dân cư	50.000.000		50.000.000	
2.3	Đời sống văn hoá khu dân cư	20.000.000		20.000.000	
3	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	17.924.000		17.924.000	100,00
4	Chi hoạt động trạm đài	66.600.000	-25.000.000	41.000.000	61,56
5	Chi sự nghiệp kinh tế	144.198.000	312.378.000	456.576.000	316,63
5.1	Hoạt động nông nghiệp	30.000.000	426.576.000	456.576.000	
5.2	Hoạt động vận tải đường bộ	114.198.000	-114.198.000	0	
6	Chi sự nghiệp Môi trường	18.290.000		18.290.000	100,00
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	89.635.000	-35.355.000	54.280.000	60,56
7.1	Chi thực hiện chính sách người có công với CM	59.959.000	-38.517.000	21.442.000	
7.2	Chi lương hưu	29.676.000	3.162.000	32.838.000	
8	Chi quản lý nhà nước	2.508.648.000	491.810.605	2.991.482.540	119,25
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	2.015.648.000	236.715.799	2.252.363.799	
-	Hoạt động của HĐND&UBND xã	493.000.000	255.094.806	739.118.741	
9	Chi ngân sách Đảng	635.000.000	73.368.818	692.264.838	109,02
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	575.000.000	58.368.818	617.264.838	
-	Chi hoạt động của Đảng	54.000.000	15.000.000	69.000.000	
-	Kinh phí hoạt động UB kiểm tra Đảng	6.000.000		6.000.000	
10	Mặt trận tổ quốc	248.600.000	23.591.248	284.647.291	114,50
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	218.000.000	23.591.248	254.047.291	116,54
-	Chi hoạt động của ban giám sát cộng đồng	10.000.000		10.000.000	
-	Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân	6.000.000		6.000.000	
-	Chi hoạt động UBMTTQ xã	14.600.000		14.600.000	100,00

11	Đoàn thanh niên	168.600.000	14.166.228	164.322.180	97,46
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	156.500.000	14.166.228	152.222.180	
-	Chi hoạt động	12.100.000		12.100.000	
12	Hội phụ nữ	152.100.000	15.694.308	168.762.216	110,95
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	140.000.000	15.694.308	156.662.216	
-	Chi hoạt động	12.100.000		12.100.000	
13	Hội nông dân	168.600.000	14.000.220	178.709.380	106,00
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	144.500.000	14.000.220	154.609.380	
-	Chi hoạt động	12.100.000		12.100.000	
-	Chi tổ chức Đại hội	12.000.000		12.000.000	
14	Hội cựu chiến binh	188.100.000	14.847.258	174.180.193	92,60
	<i>Trong đó:</i>				
-	Lương và các khoản phụ cấp	176.000.000	14.847.258	162.080.193	
-	Chi hoạt động	12.100.000		12.100.000	
15	Hội chữ thập đỏ	8.500.000		8.500.000	100,00
16	Hội người cao tuổi	72.500.000	42.400	72.457.600	99,94
	<i>Trong đó:</i>				
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách, chi hội trưởng	64.000.000	42.400	63.957.600	
-	Chi hoạt động	8.500.000		8.500.000	
17	Chi khác ngân sách	22.318.000		22.318.000	100,00
18	Chi dự phòng	118.083.000		0	

3. Các nhiệm vụ chi được điều chỉnh, bổ sung trong năm:

Tổng chi bổ sung, điều chỉnh dự toán: **1.096.961.487 đồng**, trong đó:

- Chi cải cách tiền lương: 361.961.487 đồng
- Chi thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS: 159.000.000 đồng.
- Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững: 496.000.000 đồng.
- Chi hỗ trợ thiết chế nhà văn hóa: 80.000.000 đồng.

III. Công tác tổ chức, điều hành ngân sách của UBND xã:

UBND xã đã chủ động, sâu sát chỉ đạo các ban ngành tập trung cao cho công tác thu ngân sách ngay từ đầu năm, huy động các nguồn thu có khả năng thu tập trung nhanh, gọn vào ngân sách; đồng thời tranh thủ nguồn thu bổ sung trợ cấp cân

đổi, trợ cấp mục tiêu từ ngân sách cấp trên để bổ sung kịp thời cho các nhiệm vụ chi thường xuyên đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước.

Về thực hiện dự toán chi ngân sách, UBND xã đã chỉ đạo bộ phận tài chính tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện dự toán, quản lý sử dụng ngân sách theo Luật Ngân sách Nhà nước và quy định của pháp luật.

Điều chỉnh kịp thời các khoản chi chưa thật sự cấp bách; thực hiện khoán chi cho các ban ngành nhằm tạo chủ động từng việc sử dụng ngân sách phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giải quyết kịp thời kinh phí theo dự toán cho các ngành, đáp ứng các yêu cầu lãnh, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

Phần thứ hai

Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023

Năm 2024 là năm tiếp tục thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách theo luật ngân sách giai đoạn 2022-2025. Các chỉ tiêu thu, chi ngân sách được cân đối trên mặt bằng định mức phân bổ chi ngân sách thường xuyên theo Nghị quyết số 46, 47/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2022 - 2025.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Tỉnh, các Quyết định của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024. UBND xã xây dựng và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 như sau:

I. Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2024:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước: **6.425.975.000 đồng.**

2. Tổng thu ngân sách xã: **6.250.975.000 đồng.**

2.1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 372.000.000 đồng (*Điều tiết thu ngân sách xã là 197 triệu đồng*).

2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.053.975.000 đồng

3. Các khoản thu ngoài cân đối ngân sách: **122.311.000 đồng**

STT	Chỉ tiêu thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Dự toán năm 2024	
			Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng số thu ngân sách		6.425.975.000	6.250.975.000
I	Các khoản thu trên địa bàn xã		372.000.000	197.000.000
1	Thuế GTGT+TNDN	100	25.000.000	25.000.000
2	Thuế thu nhập cá nhân	50	150.000.000	80.000.000

3	Thu lệ phí trước bạ	50	30.000.000	15.000.000
4	Lệ phí môn bài	100	10.000.000	10.000.000
5	Thu phí, lệ phí	100	20.000.000	20.000.000
6	Thu tiền sử dụng đất	10	100.000.000	10.000.000
7	Thu khác tại xã	100	35.000.000	35.000.000
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	2.000.000	2.000.000
II	Trợ cấp bổ sung từ ngân sách cấp trên		6.053.975.000	6.053.975.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên		5.613.814.000	5.613.814.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		440.161.000	440.161.000
III	Các khoản thu khác không đưa vào cân đối ngân sách			122.311.000
1	Thu quỹ phòng chống thiên tai (<i>Thu từ CBCC xã: 859.000 đồng; Thu từ lao động khác: 8.340.000 đồng</i>)			9.199.000
2	Thu phí dịch vụ môi trường			113.112.000

II. Dự toán chi ngân sách:

1. Tổng chi ngân sách năm 2024 là: **6.250.975.000 đồng**, trong đó:

1.1. Chi đầu tư XDCB: 10.000.000 đồng

1.2. Chi thường xuyên: 6.117.095.000 đồng

1.3. Dự phòng ngân sách: 123.880.000 đồng

2. Tổng chi ngoài cân đối ngân sách: **113.112.000 đồng**

STT	Nội dung chi	Dự toán giao năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	6.250.975.000	
I	Chi đầu tư XDCB	10.000.000	
II	Chi thường xuyên	6.117.095.000	
1	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	868.665.183	
a	Chi quân sự	509.111.183	
-	Hoạt động	37.250.000	
-	Phụ cấp (P.CHT; TĐT; CTV; PCTV...)	263.013.183	
-	Huấn luyện (76 dân quân)	208.848.000	
b	Chi an ninh trật tự	359.554.000	
-	Hoạt động	28.654.000	
-	Hỗ trợ hàng tháng đội trưởng, đội phó đội dân phòng; Phụ cấp công an viên	330.900.000	
2	Chi sự nghiệp Văn hoá (2 = 2.1 + 2.2+2.3)	118.163.000	

2.1	Hoạt động văn hóa	48.163.000	
2.2	Chi hoạt động cụm dân cư	50.000.000	
2.3	Đời sống văn hoá khu dân cư	20.000.000	
3	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	17.924.000	
4	Chi hoạt động trạm đài	66.600.000	
5	Chi sự nghiệp kinh tế	163.999.000	
5.1	Hoạt động nông nghiệp	20.000.000	
5.2	Hoạt động vận tải đường bộ	143.999.000	
6	Chi sự nghiệp Môi trường	18.290.000	
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	68.417.000	
7.1	Chi thực hiện chính sách người có công với Cách mạng	31.769.000	
7.2	Chi lương hưu	36.648.000	
8	Chi quản lý nhà nước	2.334.159.887	
	<i>Trong đó:</i>		
8.1	Lương cán bộ, công chức	1.493.879.887	
8.2	Phụ cấp Đại biểu HĐND	152.280.000	
8.3	Phụ cấp cán bộ KCT xã	140.400.000	
8.4	Chi hoạt động UBND xã theo định mức	547.600.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Thanh toán dịch vụ công cộng (tiền báo: 29,5 trđ; tiền điện: 72 trđ; tiền cước điện thoại, internet: 13,5 trđ)</i>	115.000.000	
-	<i>Hoạt động HĐND xã</i>	50.000.000	
-	<i>Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức xã hội (Hội Cựu TNXP; Hội Người mù; Hội nạn nhân CĐDC-Dioxin; Hội Hữu nghị Việt Lào; CLB dân ca Sán Chí; CLB dân ca Nùng: 2 trđ/tổ chức)</i>	12.000.000	Định mức chi hoạt động thường xuyên: 453,6 trđ; KP đặc thù: 94trđ
-	<i>Mua sắm máy vi tính (3 bộ): 41,25 trđ; máy in (2 chiếc): 10,4 trđ</i>	51.650.000	
-	<i>Sửa chữa tài sản, máy móc, trang thiết bị chuyên dùng</i>	50.000.000	
-	<i>Chi mua hàng hóa vật tư, văn phòng phẩm</i>	50.782.000	
-	<i>Chi các khoản khác (Tiếp khách; Công tác phí cho CBCC đi tập huấn; Hội nghị; hỗ trợ khác....)</i>	140.000.000	
-	<i>Hợp đồng lao động UBND xã</i>	63.168.000	
-	<i>Chi hoạt động hòa giải cơ sở</i>	15.000.000	
9	Chi ngân sách Đảng	967.454.680	

	<i>Trong đó:</i>		
-	Lương và các khoản phụ cấp	823.441.680	
-	Chi hoạt động của Đảng	138.013.000	
-	Kinh phí hoạt động UB kiểm tra Đảng	6.000.000	
10	Mặt trận tổ quốc	388.042.700	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lương và các khoản phụ cấp	343.442.700	
-	Chi hoạt động của ban giám sát cộng đồng	10.000.000	
-	Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân	6.000.000	
-	Chi hoạt động UBMTTQ xã	14.600.000	
-	Kp tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2024-2029	14.000.000	
11	Đoàn thanh niên	228.741.050	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lương và các khoản phụ cấp	208.641.050	
-	Chi hoạt động	12.100.000	
-	KP tổ chức Đại hội Hội LHTN nhiệm kỳ 2024-2029	8.000.000	
12	Hội phụ nữ	279.575.500	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lương và các khoản phụ cấp	267.475.500	
-	Chi hoạt động	12.100.000	
13	Hội nông dân	208.907.200	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lương và các khoản phụ cấp	196.807.200	
-	Chi hoạt động	12.100.000	
14	Hội cựu chiến binh	225.572.800	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lương và các khoản phụ cấp	213.472.800	
-	Chi hoạt động	12.100.000	
15	Hội chữ thập đỏ	33.988.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Phụ cấp Chủ tịch hội Chữ thập đỏ	25.488.000	
-	Chi hoạt động	8.500.000	
16	Hội người cao tuổi	103.144.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách, chi hội trưởng	94.644.000	
-	Chi hoạt động	8.500.000	
17	Chi khác ngân sách	25.451.000	

-	Chi thực hiện Đề án của 04 đoàn thể (Đoàn TN: 3trđ; Hội Phụ nữ: 5trđ; Hội CCB: 5trđ; Hội Nông dân: 3trđ)	16.000.000	
-	Quỹ hỗ trợ nông dân	5.000.000	
-	Chi khác	4.451.000	
III	Dự phòng ngân sách	123.880.000	
IV	Chi ngoài cân đối ngân sách	113.112.000	
-	Chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn xã năm 2024	113.112.000	

III. Biện pháp tổ chức quản lý và điều hành ngân sách năm 2024:

Dự toán NSNN năm 2024, được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2024, Kế hoạch tài chính 5 năm 2022-2025; phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm; giai đoạn 2022-2025.

Để chủ động trong công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024, UBND xã tập trung chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tổ chức đồng bộ, tập chung vào những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách:

1.1. Tập chung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các biện pháp nhằm tăng thu, chống thất thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành và vượt mức dự toán thu NSNN được giao.

1.2. Thường xuyên nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các hộ kinh doanh trên địa bàn để quản lý, thu thuế nhằm tăng thu ngân sách tại địa bàn.

1.3. Tăng cường công tác kiểm tra thu chi ở thôn bản, quyết toán hàng năm kịp thời, để kịp thời thu ngay các khoản phải nộp vào ngân sách xã.

1.4. Thu tiền sử dụng đất phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của huyện quy hoạch khu dân cư đầu giá đất, các bộ phận chuyên môn của xã chủ động đề xuất với UBND tổ chức thu triệt để các hộ chuyển mục đích sử dụng, cấp mới đất ở để tăng thu tiền vào NSNN.

1.5. Tăng cường tuyên truyền, phối hợp, tổ chức thực hiện nghiêm quy trình quản lý thu thuế, rà soát ngay từ đầu năm các chỉ tiêu giao thu; các nguồn thu chưa khai thác triệt để, kịp thời, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu vào ngân sách.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Ưu tiên chi trả nợ các công trình đã xây dựng đưa vào sử dụng, tăng cường thu tiền sử dụng đất, tranh thủ các nguồn vốn khác để chi xây dựng các công trình, dự án mới.

2.2- Về chi thường xuyên:

- Điều hành chi NSNN theo dự toán được giao. Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm các nội dung chi chưa cần thiết; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; hạn chế bổ sung chi ngân sách cho chi thường xuyên, chỉ bổ sung chi cho những chính sách đảm bảo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, kiểm tra về định mức, chế độ chi tiêu đối với nguồn kinh phí đã giao khoán cho các ban ngành, đoàn thể.

- Quan tâm thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện chi trả kịp thời và đầy đủ các chế độ, chính sách như chế độ tiền lương, tiền công, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo...

- Tích cực động viên, huy động và khai thác các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân theo quy định để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

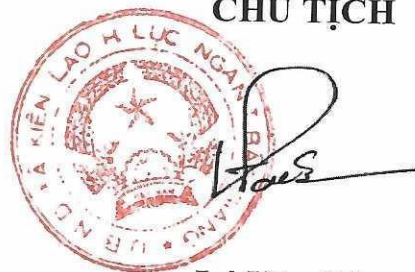
- Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công; khắc phục tình trạng nợ đọng XDCB; tập trung xử lý dứt điểm các dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán; thực hiện thanh quyết toán kịp thời các công trình xây dựng đã được ghi trong kế hoạch, ưu tiên thanh toán cho các công trình nợ đọng, công trình chuyển tiếp và những công trình đã được bố trí kế hoạch vốn.

- Tăng cường quản lý, tránh thất thoát, lãng phí NSNN, nhất là quản lý chặt chẽ về đầu tư các công trình XDCB.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; xây dựng dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lý Văn Đăng